TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM THUẬN BẮC** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/DS -ST
Ngày: 07-5-2019.
v/v *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC,
TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm.
Các Hội thẩm nhân dân: 1/Ông Đặng Văn Minh.
2/Bà Trần Thị Hòa Xuân.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Phương Trinh – Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận: Bà Nguyễn Thị Bích Truyền – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/2018/TLST-DS ngày 06/12/2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXXST-DS ngày 04/4/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐST-DS ngày 24/4/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: 1. Bà Huỳnh Thị Hồng T, sinh năm 1982 (có mặt);

2. Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1982 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã L, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại Đơn khởi kiện ngày 21/11/2018, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Thành T và bà Huỳnh Thị Hồng T trình bày:*** Do có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 22/6/2017, vợ chồng ông, bà có cho bà Nguyễn

Thị Kim H vay số tiền 30.000.000 đồng để làm ăn. Vợ chồng ông, bà chỉ cho cá nhân bà H vay, theo vợ chồng ông, bà được biết chồng bà H đã chết từ lâu. Khi cho vay hai bên có làm Giấy mượn tiền ngày 22/6/2017. Giấy mượn tiền ngày 22/6/2017 do chính tay bà H viết và ký tên. Theo giấy mượn nợ này hai bên không thỏa thuận lãi, bà H hẹn 01 tháng sau sẽ trả nợ. Tuy nhiên, đến nay bà H vẫn không thực hiện việc trả nợ cho vợ chồng ông, bà. Mặc dù, ông, bà đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bà H cố tình trốn tránh. Nay ông, bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim H phải trả số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

**** Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H vắng mặt nên không có lời trình bày.***

Tòa án cùng chính quyền địa phương đã nhiều lần đến nhà của bà Nguyễn Thị Kim H để tống đạt các văn bản tố tụng, bà H cố tình lẩn tránh, vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng như ghi lời khai, lập Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Biên bản hòa giải theo qui định của pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của đương sự và đề xuất việc giải quyết vụ án như sau: Về tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, về thụ lý vụ án, ra thông báo thụ lý vụ án, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục của pháp luật quy định. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:*

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ vay là 30.000.000 đồng theo giấy mượn nợ ngày 22/6/2017. Bị đơn có địa chỉ và sinh sống ở xã C, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác đinh quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản", thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. *Về nội dung:* Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Nguyễn Thành T và bà Huỳnh Thị Hồng T yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim H phải trả số tiền nợ vay gốc là 30.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ vào giấy mượn nợ ngày 22/6/2017 là phía bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H có vay của nguyên đơn số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, theo nguyên đơn trình bày giấy mượn tiền này do bà Nguyễn Thị Kim H viết và ký tên, đến nay bà H chưa trả nợ. Do bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H không đến Tòa án để tham dự phiên tòa, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không giao nộp chứng cứ có liên quan đến giao dịch vay tiền của hai bên, Tòa án cũng không nhận được văn bản trình bày ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của nguyên đơn, căn cứ hợp đồng vay tiền trên để xác định bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H có vay tiền của nguyên đơn với số tiền nợ gốc là 30.000.000đồng, do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Tòa không xem xét gải quyết.

Từ những nhận định và phân tích như trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị Kim H phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn Thành T và bà Huỳnh Thị Hồng T số tiền nợ gốc là 30.000.000đồng.

[4]. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Căn Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu 30.000.000đồng X 5% = 1.500.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vợ chồng ông Nguyễn Thành T và bà Huỳnh Thị Hồng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho vợ chồng ông Nguyễn Thành T và bà Huỳnh Thị Hồng T theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 351, Điều 352, Điều 353, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quố hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông ông Nguyễn Thành T và bà Huỳnh Thị Hồng T. Buộc bà Nguyễn Thị Kim H trả cho vợ chồng ông Nguyễn Thành T và bà Huỳnh Thị Hồng T số tiền nợ là 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu 1. 500.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vợ chồng ông Nguyễn Thành T và bà Huỳnh Thị Hồng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Thành T và bà Huỳnh Thị Hồng T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 750.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0023316 ngày 06/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

[3]. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Thành T và bà Huỳnh Thị Hồng T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Nguyễn Thị Kim H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.
- Viện kiểm sát nhân dân huyện H.
- Thi hành án dân sự huyện H.
- Các đương sự.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Nguyễn Thị Tâm